TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn 5, xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa, có mặt: Anh T, vắng mặt: Chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2022 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 5 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, anh T không tôn trọng vợ, thường xuyên hành hung vợ, đánh đuổi vợ. Gia đình 2 bên đã hòa giải khuyên B nhiều lần nhưng tình vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 5/2021 đến nay, vợ chồng chồng ly thân không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung: Cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014 và Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt. Thời gian vợ chồng sống ly thân, chị muốn nuôi con nhưng anh T không cho. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, giao hai cháu trai cho anh T nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 2.000.000 cho hai cháu. Chị làm nghề tự do, bán hàng quần áo thu nhập 6.000.000đ/tháng. Chị có sức khỏe tốt, có công việc và thu nhập ổn định có đủ khả năng để nuôi con. Sau khi ly hôn, chị sẽ ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn. Bố mẹ chị tạo điều kiện về nơi ở và chăm sóc, đưa đón cháu đi học trong thời gian chị đi làm.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 06/01/2023, bị đơn là anh Ngô Văn T trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 5 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Chị D nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở rồi vợ chồng lại quay về chung sống. Đến năm 2022, chị D lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ đề cùng nhau nuôi con. Tại phiên tòa, anh xác định tình cảm không còn, chị D xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung: Cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014 và Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, nếu không được thì anh nhường quyền nuôi cả 03 con cho chị D, anh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hiện tại, anh làm thợ ốp đá, thu nhập bình quân: 12.000.000đ/tháng. Mẹ anh đang còn khỏe, vẫn giúp đỡ anh trong việc chăm sóc và đưa đón các cháu đi học.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 09/12/2022, đại diện chính quyền UBND xã Đ, huyện T cung cấp: Anh T và chị D có 3 con chung: Cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014 và Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Các cháu đều khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Anh T có sức khỏe, đi làm có thu nhập, có điều kiện nuôi con. Chị D có sức khỏe, có khả năng lao động tạo ra thu nhập, hiện nay chị D không sinh sống tại địa phương. UBND xã Đồng Thắng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 55,81,82,83 LHNGĐ: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T. Về con chung giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014. Chị D cấp dưỡng nuôi con cùng anh T: 2.000.000đ/tháng cho hai cháu. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa chị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị D vẫn giữ nguyên các yêu cầu theo đơn khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2012 ngày 02 tháng 5 năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay xô xát. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Tại phiên tòa, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014 và Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị D có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định theo đơn đề nghị xác nhận thu nhập do chị D cung cấp, đảm B điều kiện nuôi con. Nguyện vọng nuôi cháu B của chị D là phù hợp vì cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ hơn.

Anh T có sức khỏe, có công việc, thu nhập ổn định. Anh T có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu hoặc giao cả 03 cháu cho chị D nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Nếu giao cả 03 cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn về kinh tế và điều kiện chăm sóc, không đảm B được quyền lợi cho các cháu. Cháu Tuấn Anh, cháu Gia B có nguyện vọng ở với bố nên giao cho anh T nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, 02 cháu: 2.000.000đ/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, người

nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người kia có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Chị D và anh T có 03 con chung: Cháu Ngô Văn T1sinh ngày 14/12/2012, Ngô Gia B sinh ngày 16/09/2014 và Ngô Thị Csinh ngày 21/12/2018.

Giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1và cháu Gia B. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, 02 cháu: 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016805 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị D còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND T. Thanh Hóa;
-VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu